

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2018/DS-ST**
Ngày 03-5-2018
V/v tranh chấp tiền hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hữu Đoàn;

Bà Nguyễn Bé Bảy.

- Thư ký phiên tòa: ông Võ Đà Lạ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau.

Ngày 03 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2018 về việc tranh chấp tiền hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2018/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Phạm Minh X, sinh năm: 1966.

Đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã K huyện M, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* ông Trần Văn T, sinh năm: 1980.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Đặng Thị T1, sinh năm: 1991.

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện M, tỉnh Cà Mau.

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: ấp A, xã K huyện M, tỉnh Cà Mau.

Bà T có mặt, ông T, bà T1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 01 năm 2018, ông Phan Minh Xuyên yêu cầu ông Trần Văn T trả cho ông số tiền hụi mà ông T nợ ông trong các dây hụi do ông làm chủ với số tiền 40.000.000 đồng. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền

của ông X bà Nguyễn Thị T trình bày: bà vẫn giữ yêu cầu khởi kiện đối với ông T, cụ thể yêu cầu ông T trả tiền hội trong các dây hội đã hót như sau:

- Dây hội ngày 04/11/2015 âl loại hội 1.000.000 đồng có 41 chân, ông T không đóng hội từ tháng 3/2017 đến tháng 11/2017, còn nợ lại 10 tháng tiền hội chưa đóng với số tiền 10.000.000 đồng;

- Dây hội ngày 12/09/2015 âl loại hội 1.000.000 đồng, có 35 chân, ông T không đóng hội từ tháng 3/2017 đến tháng 11/2017, còn nợ lại 10 tháng tiền hội chưa đóng với số tiền 10.000.000 đồng;

- Dây hội ngày 20/05/2015 âl loại hội 1.000.000 đồng, có 45 chân, ông T không đóng hội từ tháng 3/2017 đến tháng 11/2017, còn nợ lại 10 tháng tiền hội chưa đóng với số tiền 10.000.000 đồng;

- Dây hội 29/7/2015 âl loại hội 1.000.000 đồng, có 30 chân, ông T không đóng hội từ tháng 3/2017 đến tháng 11/2017, còn nợ lại 10 tháng tiền hội chưa đóng với số tiền 10.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông T chưa đóng hội từ tháng 3 đến tháng 11/2017 là 40.000.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ ông Phạm Minh X cung cấp cho tòa án liên quan đến vụ án gồm: 04 tờ giao kèo bản phô tô không có chứng thực.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đặng Thị T1 trình bày: Bà có tham gia hội do ông X và Bà T làm chủ, tổng cộng 4 chân đều là hội 1.000.000 đồng. Ông X yêu cầu ông T trả tiền hội 40.000.000 đồng là không đúng, bà không đồng ý. Đầu tháng 10/2017 âm lịch ông X, Bà T bề hội bà chỉ còn thiếu lại vợ chồng ông X, Bà T là ba tháng tiền hội số tiền là 12.000.000 đồng, từ tháng 10/2017 âm lịch Bà T và ông X không tiếp tục khai hội là do lỗi của ông X, Bà T và ông X và không chung tiền hội cho ai nên không có lý do gom tiền hội của bà.

- Bà Nguyễn Thị T trình bày: hội do vợ chồng bà làm chủ, việc ngừng hội từ cuối tháng 8/2017 lý do là các tay em không đóng hội cho bà nên bà không có tiền giao cho những tay em khác. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà T1 phải trả tiền hội còn thiếu cho số tiền 40.000.000 đồng để bà trả cho các hội viên còn lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng ông T, bà T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt có đơn xin vắng mặt căn cứ vào quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà T1. Quan hệ pháp luật theo các đương sự trình bày là tranh chấp dân sự về tiền hội và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau.

[2] Về nội dung vụ án: các đương sự thống nhất với nhau về việc tham gia hội, số chân hội, loại hội, các bên chỉ tranh chấp về thời gian đóng hội. Việc tham gia hội của ông T là cả hai vợ chồng ông T và bà T1 tham gia do đó cả ông T và bà T1 cùng có trách nhiệm trong việc trả tiền hội cho ông X và Bà T.

Bà T xác định ông T, bà T1 đã đóng hội đến tháng 2/2017 thì ngưng đóng, trong quá trình thực hiện việc giao nhận tiền hội Bà T xác định giữa các bên không làm biên nhận, các hội viên khi đóng tiền thì đưa trực tiếp cho Bà T, không có đối chiếu số tiền hội còn thiếu giữa các bên với nhau. Bà T1 xác định đã đóng hội đầy đủ, tính đến tháng 10/2017 do Bà T không đi gom hội nên bà còn thiếu lại 3 tháng bằng 12.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ngoài lời trình bày của Bà T về việc ông T, bà T1 thiếu tiền hội thì không có tài liệu chứng cứ gì khác thể hiện ông T, bà T1 còn thiếu số tiền hội như Bà T trình bày, do đó Bà T cho rằng ông T, bà T1 còn thiếu tiền hội từ tháng 3/2017 âm lịch là không có cơ sở. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết tại Tòa án, bà T1 xác định đến đầu tháng 10/2017 còn thiếu tiền hội của ông X, Bà T là 3 tháng tương đương với số tiền 12.000.000 đồng, từ tháng 10/2017 ông X và Bà T không gom hội là do bị bẻ hội. Từ đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: bà T1 và ông T còn thiếu tiền hội của Bà T, ông X đến tháng 10/2017 là 3 tháng cộng với tháng 10 chưa đóng (theo như bà T1 trình bày là do Bà T không gom) đến tháng 11 là 2 tháng, tổng cộng là 5 tháng, mỗi tháng 4.000.000 đồng bằng số tiền là 20.000.000 đồng, vì vậy chỉ buộc ông T và bà T1 trả tiền hội còn thiếu là 20.000.000 đồng.

Yêu cầu của ông X được chấp nhận một phần nên phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là $20.000.000 \times 5\% = 1.000.000$ đồng.

Ông T, bà T1 phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho Bà T, ông X là 1.000.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.
- Áp dụng Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Minh Xuyên đối với ông Trần Văn T.

Buộc ông Trần Văn T và bà Đặng Thị T1 trả cho ông Phan Minh Xuyên và bà Nguyễn Thị T số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Bà T, ông X có đơn yêu cầu thi hành án mà bà T1 và ông T chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông X đối với ông T về việc đòi tiềnhui số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm ông Trần Văn T và bà Đặng Thị T1 phải chịu là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) (chưa nộp).

Ông Phan Minh Xuyên phải chịu án phí là 1.000.000 đồng. Ông X đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.000.000 đồng theo biên lai thu số 0011776 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Cà Mau ngày 15/01/2018 chuyển thu án phí.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện M;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**